

**TAND  
Q.CR  
TP. CT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2021/HNST.

Ngày: 31/3/2021.

V/v tranh chấp: “*Ly hôn*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN Q. CR**

**- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Huỳnh Thị Kim Xuân.**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Võ Thành Hưng.**

Ông **Phạm Thanh Thanh.**

*- Thư ký phiên tòa:* Bà **Trần Thị Bích Trương** – Thư ký Tòa án nhân dân Q. CR, TP. CT.

Trong ngày 31 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Q. CR xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 350/2020/TLST- HNGĐ, ngày 07 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp “***Ly hôn***” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2021/QĐXX-ST, ngày 18 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Bà **LTN**, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: Số 120, ấp ĐT, xã ĐT, huyện CT, tỉnh HG. (Có đơn yêu cầu vắng mặt).

***Bị đơn:*** Ông **VMT**, sinh năm: 1989.

Địa chỉ: 046, khu vực TH, phường TT, Q. CR, TP. CT. (Có đơn yêu cầu vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

***- Nguyên đơn trình bày và yêu cầu:*** Tôi và ông VMT tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn ngày 22/10/2013. Chung sống hạnh phúc được khoảng 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm, không hợp tính tình nên không có sự thấu hiểu hay cảm thông cho nhau để chia sẻ với nhau. Đến nay thì cả hai vợ chồng đều không còn tình cảm nên thống nhất thuận tình ly hôn.

***- Về con chung:*** Có 01 cháu là VLMT, sinh ngày 30/01/2014. Tôi xin được nuôi con chung, không đặt vấn đề cấp dưỡng.

***- Về tài sản chung:*** Không có.

***- Về nợ chung:*** Không có.

*\* Tại bản tự khai ngày 17 tháng 3 năm 2021 bị đơn trình bày và yêu cầu:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Tôi đồng ý ly hôn với bà LTN.
- *Về con chung:* Có 01 cháu là VLMT, sinh ngày 30/01/2014. Thống nhất để bà N nuôi con chung, không đặt vấn đề cấp dưỡng.
- *Về tài sản chung:* Không có.
- *Về nợ chung:* Không có.

Ngoài ra bị đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt vì lý do đi làm xa nên không thể tham dự các phiên họp và phiên xử theo giấy triệu tập của Tòa án. Bị đơn cam kết việc yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt là hoàn toàn tự nguyện.

Do bị đơn không thể tham gia hòa giải được vì có lý do chính đáng nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải theo quy định tại khoản 2 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

*Vụ án được đưa ra xét xử công khai theo quy định của pháp luật.*

**Tại phiên tòa:** Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không có văn bản nào thay đổi yêu cầu khởi kiện. Phía bị đơn không có văn bản ý kiến nào khác với Bản tự khai ngày 17/3/2021 nên được xem là vẫn giữ nguyên ý kiến. Ngoài ra cả nguyên đơn và bị đơn đều yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra lại tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về quan hệ pháp luật:** Nguyên đơn, bị đơn chung sống với nhau có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Nay nguyên đơn có yêu cầu ly hôn với bị đơn thì đây là loại tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Q. CR, TP. CT theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] **Về thủ tục tố tụng:** Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải và công bố chứng cứ nhưng bị đơn không đến vì có lý do bận đi làm xa nên bị đơn có gửi bản tự khai cho Tòa án và đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Đồng thời, phía nguyên đơn cũng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt theo luật định.

[3] **Về nội dung tranh chấp:** Giữa nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn năm 2013 nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng đã không còn nên bị đơn cũng thống nhất với yêu cầu ly hôn của nguyên đơn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài vì mục đích hôn nhân không đạt được, nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở để được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về con chung*: Có 01 cháu là VLMT, sinh ngày 30/01/2014. Bị đơn thống nhất để nguyên đơn được tiếp tục nuôi cháu MT đến khi đủ 18 tuổi, không đặt vấn đề cấp dưỡng. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bị đơn, không ai được quyền ngăn cản theo quy định của pháp luật.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung*: Cả hai khai không có. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

[6] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, chuyển 300.000đồng tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai số 006547 ngày 01/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự Q. CR thành án phí.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc đã thực hiện thủ tục niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Căn cứ vào:**

- Các điều 28; 35; 39; 147; 227, 228; 266; 271; 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.
- Các điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí tòa án.

**Tuyên xử:** *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà LTN được ly hôn với ông VMT.
2. *Về con chung*: Có 01 cháu là VLMT, sinh ngày 30/01/2014. Thống nhất để nguyên đơn được tiếp tục nuôi cháu MT đến khi đủ 18 tuổi, không đặt vấn đề cấp dưỡng. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bị đơn, không ai được quyền ngăn cản theo quy định của pháp luật.
3. *Về tài sản chung*: Cả khai không có. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.
4. *Về nợ chung*: Cả hai khai không có. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.
5. *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, chuyển 300.000đồng tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai số 006547 ngày 01/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự Q. CR thành án phí.

6. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt được kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc đã thực hiện thủ tục niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND TPCT;
- VKSND Q. CR;
- Chi cục THA Q. CR;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Huỳnh Thị Kim Xuân**